

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:18/2018/DSST
Ngày 31 tháng 10 năm 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Phan Thị Hà**

2. Bà **Lương Thị Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Lan Hương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Bách Thiện Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2018/TL-DSST ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXX - ST ngày 20 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2018/QĐST - HPT ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng X**; địa chỉ: Tháp X số 35 phố H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T – chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Dương Văn C – chức vụ: Giám đốc X – chi nhánh Tràng An; Những người đại diện theo ủy quyền lại theo Quyết định ủy quyền số 564/QĐ- X.TA ngày 13/6/2018: bà Trương Thị Khánh L, chức vụ: Phó Giám đốc X – chi nhánh Tràng An; ông Nguyễn Xuân L, chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Khách hàng 2; ông Đỗ Thanh T – Cán bộ Phòng Khách hàng 2. (bà Linh, ông Linh, ông Tùng có mặt)

* Bị đơn: ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1982 và bà **Đinh Thị H**, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký tạm trú: Số 146, tổ dân phố số 3, Đ, phường K, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: số 29 hẻm 477/15/29 phố K, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. (ông L bà H có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2017, cũng như các bản khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 01/10/2015, Ngân hàng X (sau đây gọi tắt là X) và ông Nguyễn Văn L cùng vợ là bà Đinh Thị H (sau đây gọi tắt là bị đơn) ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD với tổng số tiền là 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng; thời hạn vay 180 tháng, kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất trong hạn: ưu đãi 12 tháng đầu: 7.2%/năm, sau thời hạn ưu đãi lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 06 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; kế hoạch trả nợ: Gốc được trả trong 180 kỳ, 179 kỳ đầu mỗi kỳ trả 13.900.000 đồng, kỳ cuối trả 11.900.000 đồng, lãi trả theo dư nợ thực tế. Tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2017, sau nhiều lần đôn đốc, bị đơn mới chỉ trả được tổng nợ gốc là 30.800.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi phạt là 25.574.940 đồng. Hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 31/10/2018 bị đơn còn nợ tổng số tiền là 3.226.844.510 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 757.644.510 đồng.

- Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 169, tổ 49 làng N, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 3 năm 2002.

Nay X đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình tuyên buộc ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị H trả khoản nợ tạm tính đến ngày 31/10/2018 tổng số tiền là 3.226.844.510 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 đồng, nợ lãi là 757.644.510 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD ngày 01/10/2005.

Phương án trả nợ tại các buổi hòa giải như sau:

- Đợt 1: Từ 01/9/2018 đến ngày 30/11/2018 trả 50.000.000 đồng.
- Đợt 2: Từ 01/12/2018 đến ngày 01/3/2019 tất toán toàn bộ số nợ còn lại.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho X đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Tại bản tự khai và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đơn đề nghị, bị đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị H cùng nhất trí quan điểm và khẳng định không có yêu cầu phản tố và khẳng định có ký kết với X hợp đồng tín dụng số

01/2015/3897516 ngày 01/10/2015 với số tiền là 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay 180 tháng, kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất trong hạn: ưu đãi 12 tháng đầu: 7.2%/năm, sau thời hạn ưu đãi lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 06 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; kế hoạch trả nợ: Gốc được trả trong 180 kỳ, 179 kỳ đầu mỗi kỳ trả 13.900.000 đồng, kỳ cuối trả 11.900.000 đồng, lãi trả theo dư nợ thực tế.

Tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 169, tổ 49 làng N, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2002. Tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2017, bị đơn mới chỉ trả được tổng nợ gốc là 30.800.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi phạt là 25.574.940 đồng. Hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31/10/2018 bị đơn còn nợ tổng số tiền là 3.226.844.510 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 đồng, nợ trong hạn và lãi quá hạn là 757.644.510 đồng.

Do hiện tại tình hình kinh tế gia đình có nhiều khó khăn, nguồn thu nhập giảm, bị đơn chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Đối với phương án do Ngân hàng yêu cầu bị đơn xin thời gian trả nợ trong vòng 12 tháng để bán nhà và có thể trả nợ cho Ngân hàng, đồng thời có dư một khoản tiền để lo chỗ ở cho gia đình.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội qui phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 12/10/2018 bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào ngày 31/10/2018 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Việc ông L, bà H vay tiền của Ngân hàng X thông qua Hợp đồng tín dụng dựa trên ý chí tự nguyện thỏa thuận của hai bên theo đúng trình tự quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (từ thời điểm 29/10/2015 đã quá hạn thanh toán), không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X về việc yêu cầu ông L, bà H trả nợ số tiền gốc 2.469.200.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và lãi

theo qui định pháp luật, là có căn cứ theo qui định tại Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Chấp nhận yêu cầu của X về việc xử lý tài sản thế chấp theo Điều 9,10 của Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/20105 ký ngày 01/10/2015. Trong trường hợp ông L, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn trong vụ án: Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn không đến nhận. Tại phiên tòa hôm nay bà H có gửi đơn đề nghị xin được vắng mặt, đây là lần thứ hai bị đơn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 277, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu của X yêu cầu bị đơn thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/3897516 ngày 01/10/2015 với số tiền là 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay 180 tháng, kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất trong hạn: ưu đãi 12 tháng đầu: 7.2%/năm, sau thời hạn ưu đãi lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh 06 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; kế hoạch trả nợ: Gốc được trả trong 180 kỳ, 179 kỳ đầu mỗi kỳ trả 13.900.000 đồng, kỳ cuối trả 11.900.000 đồng, lãi trả theo dư nợ thực tế. Thực hiện theo Hợp đồng tín dụng X đã giải ngân cho bị đơn số tiền 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng theo bảng kê rút vốn cụ thể ngày 05/10/2015 có ký xác nhận của bị đơn. Tính đến ngày 16/8/2017 bị đơn mới chỉ trả được tổng nợ gốc là 30.800.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi phạt là 25.574.940 đồng. Hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Bị đơn còn nợ X tổng số tiền là 2.874.112.096 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 đồng, nợ lãi là 404.912.096 đồng bao gồm cả lãi trong hạn và lãi phạt. Sau nhiều lần đôn đốc, bị đơn vẫn không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận Ba Đình, tạm tính đến ngày 31/10/2018 tổng số tiền là 3.226.844.510 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 đồng, nợ lãi là 757.644.510 đồng.

- Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 169, tổ 49 làng N, phường N, quận Ba Đình, thành phố

Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2002.

Tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2017, sau nhiều lần đôn đốc, bị đơn mới chỉ trả được tổng nợ gốc là 30.800.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và lãi phạt là 25.574.940 đồng. Hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Bị đơn đã không trả nợ và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán bằng tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp bất động sản, không hợp tác với Ngân hàng. Vì vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Luật các tổ chức tín dụng; vi phạm về thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng nên X khởi kiện đến Tòa án.

[3]. Đại diện X tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn thực hiện các nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà bị đơn ký với X là hoàn toàn đúng pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng là vi phạm theo các điều khoản trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc X khởi kiện bị đơn là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về yêu cầu đối với tài sản đảm bảo:* Theo Điều 8 của Hợp đồng tín dụng về biện pháp bảo đảm tiền vay thì tài sản bảo đảm của bên vay để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác của Bên vay đối với X theo hợp đồng bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 169, tổ 49 làng N, phường N. Việc thế chấp được thực hiện bằng: Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/3897516/HĐBĐ số công chứng 2347/2015/HĐTC, quyền số 24/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 ký tại X- Chi nhánh Trảng An.

[5]. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD ngày 01/10/2015 được ký giữa X và bị đơn có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm công chứng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội, các bên đều đã đọc và ký hợp đồng trước mặt công chứng viên, do vậy quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều phải chịu trách nhiệm. Điều này cũng đồng nghĩa với việc nếu bị đơn không trả được nợ thì X có quyền yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Chính vì các lẽ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận, nên buộc bị đơn phải trả nợ X số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/10/2018 cụ thể là: 3.226.844.510 đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 đồng, nợ lãi là 757.644.510 đồng.

X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho X là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 169, tổ 49 làng N, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo

giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà và quyền sử dụng đất số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 29/3/2002 giữa Bên thế chấp là ông L, bà H với Bên nhận thế chấp là X để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD ngày 01/10/2015 là có căn cứ.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. **Về án phí sơ thẩm:** X không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 281 và các Điều 290, 302, 342, 348, 349, 350, 351, 355, 715, 721 Bộ luật dân sự 2005; Áp dụng Điều 26; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng Điều 11, 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001; Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của *Ngân hàng X*;

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H phải trả Ngân hàng X số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2018 theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/3897516/HĐTD ngày 01/10/2015 cụ thể: **3.226.844.510** (Ba tỷ, hai trăm hai sáu triệu, tám trăm bốn bốn nghìn, năm trăm mười) đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.469.200.000 (Hai tỷ, bốn trăm sáu chín triệu, hai trăm nghìn) đồng, nợ lãi là 757.644.510 (Bảy trăm năm bảy triệu, sáu trăm bốn bốn nghìn, năm trăm mười) đồng.

Kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018, ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho X theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử hữu nhà và quyền sử dụng đất số 10101170427, hồ sơ gốc số 2062.2002.QĐUB/6764.2002 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày

29/3/2002 mang tên bà Cung Mỹ Hòa và chồng là ông Phạm Quang Sự, ngày 29/8/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh khu vực Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đông Đa đã đăng ký sang tên chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Đinh Thị H. Việc thế chấp tài sản đảm bảo được thực hiện bằng: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/3897516/HĐBĐ ngày 01/10/2015 tại địa chỉ Thửa đất số 64; tờ bản đồ số 7G – III – 1, số 169, tổ 49 làng N, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Số công chứng: 2347/2015/HĐTC, quyển số: 24/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2015 ký tại Phòng Công chứng Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị H phải chịu **96.536.890** (Chín sáu triệu, năm trăm ba sáu nghìn, tám trăm chín mươi) đồng án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng X không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **44.740.000** (Bốn bốn triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số: **8404** ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long